

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 54/2022/HS-ST

Ngày 15 - 11 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Hồng Luyện; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Ông Võ Quốc Thoại; nghề nghiệp: Công chức; nơi công tác: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hậu Giang.

Ông Lư Văn Sĩ; nghề nghiệp: Công chức; nơi công tác: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hậu Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1964 tại huyện Gi, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (chết) và bà Phạm Thị H (chết); có vợ là Nguyễn Thị C và 02 người con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1993); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hồ Quốc T - Luật sư, Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Thị N, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2006

Nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Nguyễn Phi L, sinh năm 1982 (là cha của bị hại)

Nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Đồng Thị Cẩm N
- Trợ giúp viên pháp lý hạng III, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Đại diện cơ quan, tổ chức nơi bị hại lao động, sinh hoạt:*

1. Ông Trương Trần N, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thúy A, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. Có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng cư trú: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Trần Thị D, sinh năm 1973

Nơi cư trú: ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2021, bà Trần Thị D đến Công an xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang trình báo sự việc cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2006 mang thai.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị N trình bày: Đã bị Nguyễn Văn A giao cấu nhiều lần tại nhiều địa điểm khác nhau như: Nhà trên, nhà dưới, nhà tắm trong nhà của Nguyễn Văn A, gần ngôi mộ của ông nội N và ngoài vườn cam. Lần đầu tiên A quan hệ tình dục với N dưới nền gạch trong nhà trên của Nguyễn Văn A.

Nguyễn Văn A khai nhận: Khoảng cuối năm 2020 đến đầu năm 2021, A đã thực hiện hành vi giao cấu với N nhiều lần tại nhiều địa điểm khác nhau, nhưng chỉ nhớ hai địa điểm cụ thể là dưới nền xi măng nhà sau và ngoài gốc xoài phía sau nhà của A. Thường ngày, N qua nhà A chơi, khi vợ của A vắng nhà thì A thực hiện hành vi giao cấu với N. Trong những lần giao cấu với N thì N không phản kháng hoặc chống cự, mỗi lần A đều xuất tinh vào âm đạo của N mà không sử dụng biện pháp tránh thai.

Như vậy, quá trình điều tra đã chứng minh được: Vào khoảng cuối năm 2020 đến tháng 5 năm 2021, A đã nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục

bằng hình thức giao cấu với N tại nhiều địa điểm khác nhau, dẫn đến N mang thai và sinh được một bé trai vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Bệnh viện Sản nhi tỉnh Hậu Giang.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 222/2021/KLGD ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực Tây Nam Bộ, kết luận đối với Nguyễn Thị N như sau:

- Về y học: Trước, trong, sau khi xảy ra sự việc (khoảng ngày 05/3/2021) và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Châm phát triển tâm thần vừa (F71 – ICD10).

- Về năng lực: Thời điểm xảy ra sự việc và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Công văn số 222.0/PYTT ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực Tây Nam Bộ có ý kiến đối với Nguyễn Thị N: Về trách nhiệm hình sự: Thời gian khoảng ngày 05 tháng 3 năm 2021 và hiện tại: Đang sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 01/ADN ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Hậu Giang kết luận: Trẻ sơ sinh 10 ngày tuổi do chị Nguyễn Thị N sinh là con của ông Nguyễn Văn A.

Tại Bản kết luận giám định số 2155/KL-KTHS ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Phân viện khoa học hình sự thành phố Hồ Chí Minh- Bộ Công an kết luận:

- Ông Nguyễn Văn A và bé trai do Nguyễn Thị N sinh ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại Bệnh viện Sản nhi tỉnh Hậu Giang có quan hệ huyết thống Cha-Con.

- Nguyễn Thị N và bé trai do Nguyễn Thị N sinh ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại Bệnh viện Sản nhi tỉnh Hậu Giang có quan hệ huyết thống Mẹ- Con.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Văn A đã bồi thường tổn thất tinh thần cho Nguyễn Thị Nc số tiền 30.000.000 đồng xong; về chi phí cấp dưỡng không thỏa thuận được.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKS-P1 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, đã truy tố Nguyễn Văn A về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

2. Áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 142, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án từ 12 đến 13 năm tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 107 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi con chung của bị cáo và bị hại theo quy định của pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng: Không có, đề nghị không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bị cáo nhìn nhận hành vi phạm tội của mình có mức độ, chưa thực sự thành khẩn khai báo; về trách nhiệm dân sự: Đồng ý cấp dưỡng nuôi con của bị cáo và bị hại theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo cấp dưỡng nuôi con chung của bị cáo và bị hại mỗi tháng là 2.000.000 đồng, nhưng yêu cầu cấp dưỡng 02 lần, mỗi lần 216.000.000 đồng; về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cụ thể: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra; tác động gia đình khắc phục hậu quả; là Bộ đội phục viên; có anh ruột là Liệt sĩ; đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, hiện đang mang bệnh nặng, là lao động chính trong gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố và điều luật áp dụng. Tại phiên tòa bị cáo chưa thực sự thành khẩn khai báo nên thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 12 đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bên thỏa thuận mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; về phương thức cấp dưỡng; Yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại đòi cấp dưỡng 02 lần là phù hợp, vì bị cáo phải chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng hàng tháng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều

tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với kết quả giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó đã có cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2020 đến khoảng tháng 5 năm 2021, bị cáo đã lợi dụng việc bị hại có bệnh lý tâm thần để thực hiện hành vi giao cấu với bị hại nhiều lần tại nhiều địa điểm khác nhau, dẫn đến bị hại mang thai và sinh được một bé trai vào ngày 30 tháng 11 năm 2021. Theo kết quả giám định ADN xác định bé trai được bị hại sinh vào ngày 30 tháng 11 năm 2021 có quan hệ huyết thống Cha - con với bị cáo và có quan hệ huyết thống Mẹ - con với bị hại.

Hành vi của bị cáo là lợi dụng tình trạng bị hại không thể tự vệ được do bị bệnh lý tâm thần để thực hiện hành vi giao cấu với bị hại; trực tiếp xâm phạm danh dự, nhân phẩm và sức khỏe người khác; bị cáo đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại nhiều lần, làm cho bị hại có thai và đã sinh con. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” với các tình tiết định khung là “Làm nạn nhân có thai” và “Phạm tội 02 lần trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Bị cáo mặc dù nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì dục vọng thấp hèn của mình mà bị cáo đã bất chấp các chế tài của pháp luật, lợi dụng tình trạng bị hại không thể tự vệ được do bị bệnh lý tâm thần để thực hiện hành vi giao cấu với bị hại nhiều lần, gây hậu quả làm cho bị hại có thai khi chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất. Bản thân bị cáo có tuổi đời đáng bậc cha, chú, thậm chí đáng bậc tuổi ông của bị hại, nhưng bị cáo vẫn bất chấp, cố ý thực hiện hành vi giao cấu với bị hại khi bị hại chưa đủ 16 tuổi và có bệnh lý tâm thần, thể hiện bản chất hành vi đồi bại. Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm danh dự, nhân phẩm của bị hại, ảnh hưởng đến tâm sinh lý và thể chất của bị hại cũng như an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm cho bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, là bộ đội phục viên, có nhiều đóng góp cho địa phương được tặng nhiều giấy khen; có anh ruột tên Nguyễn Văn C là Liệt sĩ. Do đó, cần xem xét cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét bị cáo mặc dù thừa nhận hành vi phạm tội nhưng chưa thực sự thành khẩn khai báo về các tình tiết chứng minh hành vi của bị cáo, nên tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét cho bị cáo hưởng có mức độ.

[6] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng; xét lời đề nghị của người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tuy bị cáo là người có nhân thân tốt; được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Nhưng, xét hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện bản chất hành vi đồi bại; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, việc bị cáo nhìn nhận hành vi phạm tội là do kết quả giám định AND làm cho bị cáo không thể chối cãi, bản thân bị cáo chưa thực sự thành khẩn khai báo; phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự như lời đề nghị của người bào chữa, mà áp dụng mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm đã được các bên thỏa thuận bồi thường xong số tiền là 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo thỏa thuận được mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng nhưng không thống nhất được phương thức cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có điều kiện để cấp dưỡng theo định kỳ 02 lần, mỗi lần 216.000.000 đồng theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Do đó, cần buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi con chung của bị cáo và bị hại theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

[8] Về vật chứng: Không có, không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

2. Căn cứ các điểm b, đ khoản 2 Điều 142, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 13 (mười ba) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị cáo và bị hại Nguyễn Thị N là cháu Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2021 (do ông Nguyễn Phi L đại diện), mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/11/2022) cho đến khi cháu Nguyễn Thanh Q tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Không có, không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điều 21, 23, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể

từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (CQĐT, PV06, PC10);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng